TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-02-2020
V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng.

2. Ông Nguyễn Trường Hận.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Tuyết Ngân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 630/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/9/2019 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1968 (vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau
2. Bị đơn: Ông **Phạm Mã B**, sinh năm 1971(vắng mặt).
Địa chỉ: Khóm 6B, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/9/2019 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Mã B thành hôn với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống bà N và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, vợ chồng sống ly thân khoảng 03 năm nay. Chị N xác định nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Mã B có 01 con chung tên Phạm Thị Thảo N, sinh năm 1999, đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối

với ông Phạm Mã B nhưng ông B vẫn vắng mặt và không gởi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Mã B có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với ông Phạm Mã B nên Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Phạm Mã B nhưng ông Phạm Mã B vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 12/11/2019 bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Mã B, bà Nguyễn Thị N là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Mã B thành hôn với nhau năm 1991, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Thể hiện tại Trích lục kết hôn số 366/ TLKH-BS do Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc cấp ngày 28 tháng 8 năm 2019. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Mã B được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo bà N trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cự cải, vợ chồng sống ly thân khoảng 03 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ đối với ông Phạm Mã B nhưng ông B vắng mặt và không nộp văn bản nêu ý kiến cho Tòa án. Bà N cho rằng vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Mã B có 01 con chung tên Phạm Thị Thảo N, sinh năm 1999, đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày

30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N, cho bà N được ly hôn với ông Phạm Mã B.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng. Bà N có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002702 ngày 24/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân